

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 10th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**
Name of organization: **BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY**
- Mã chứng khoán/ Stock code: **BFC**
- Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, Xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: C12/21 Le Kha Phieu Street, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại liên hệ/ Tel.: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799
- E-mail: phanbon@binhdiem.com Website: www.binhdiem.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập riêng Công ty mẹ và hợp nhất năm 2025 của Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền, bao gồm giải trình lợi nhuận năm 2025 so với năm 2024 trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Independent auditor's report on separate and consolidated financial statements for 2025 of Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, including the profit explanation for 2025 compared to 2024, as presented in the notes to the financial statements.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/03/2026 tại đường dẫn www.binhdiem.com.

This information was published on the company's website on March 10th, 2026, as in the link www.binhdiem.com.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
- *Independent auditor's report on financial statements for 2025.*

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÂN BÓN
BÌNH ĐIỀN** Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN PHÂN
BÓN BÌNH ĐIỀN
Date: 2026.03.10
20:55:51 +07'00'

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trần Ngọc Hùng
Tran Ngoc Hung





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 47
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	48
8. Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	49 - 50

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Bình Điền trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) và 5 công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 06 ngày 18 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ : 571.679.930.000 đồng (năm trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

Địa chỉ : C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3756 1191

Fax : +84 (28) – 3756 0686

Mã số thuế : 0302975517

• Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

• Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

• Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	29/04/2025	
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	29/04/2025	
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	29/04/2025	
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	24/06/2020	29/04/2025
Ông Nguyễn Bảo Vệ	Thành viên	29/04/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	29/04/2025	

• Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban	24/06/2020	29/04/2025
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Trưởng ban	29/04/2025	
Ông Quản Đình Gang	Thành viên	29/04/2025	
Bà Bùi Nguyễn Phương Anh	Thành viên	29/04/2025	

• **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	18/12/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17/10/2023	
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	21/05/2021	
Ông Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng	01/09/2022	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 50.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Số 020307/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026 (từ trang 08 đến trang 50), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất), chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2817-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

128
ÔNG
NHIỆM
OÁN V
JAN
TP. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.313.863.634.044	2.608.895.504.667
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	250.246.241.891	626.550.473.599
111	1. Tiền		190.246.241.891	195.462.117.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	431.088.356.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	10.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	5.000.000.000	10.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		652.291.657.982	463.775.594.905
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	674.386.056.864	499.278.076.972
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	21.287.378.480	6.432.901.104
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	13.880.958.979	14.620.732.585
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(57.262.736.341)	(56.556.115.756)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	2.283.040.616.147	1.466.096.874.567
141	1. Hàng tồn kho		2.283.625.878.014	1.466.682.136.434
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(585.261.867)	(585.261.867)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		123.285.118.024	41.972.561.596
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	11.539.863.952	5.977.308.328
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		109.999.487.311	35.707.246.158
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	1.745.766.761	288.007.110
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		654.861.635.350	671.312.420.649
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.683.512.545	4.650.098.980
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	4.683.512.545	4.650.098.980
220	II. Tài sản cố định		612.364.657.545	635.629.419.067
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	404.885.523.501	422.936.894.849
222	- Nguyên giá		1.341.709.114.067	1.279.353.758.911
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(936.823.590.566)	(856.416.864.062)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	7.133.222.745	9.103.043.329
225	- Nguyên giá		9.978.606.100	11.819.606.100
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.845.383.355)	(2.716.562.771)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	200.345.911.299	203.589.480.889
228	- Nguyên giá		245.260.243.857	245.068.418.857
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.914.332.558)	(41.478.937.968)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.495.667.522	7.792.706.260
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	5.495.667.522	7.792.706.260
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	4.731.106.632	5.161.315.268
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.930.812.239)	(6.500.603.603)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		27.586.691.106	18.078.881.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	6.211.309.916	2.892.986.414
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		21.375.381.190	15.185.894.660
269	3. Lợi thế thương mại	V.14	-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.968.725.269.394	3.280.207.925.316

15-0
TY
HỮU
TƯ V
VIỆT
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.273.075.536.652	1.762.231.915.313
310	I. Nợ ngắn hạn		2.267.619.348.126	1.745.367.033.397
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	356.109.013.541	468.008.730.488
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	30.844.628.103	21.599.877.173
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	156.072.137.917	154.809.141.698
314	4. Phải trả người lao động		143.777.269.032	126.684.004.459
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	142.847.427.954	146.592.037.973
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	11.533.680.511	15.255.393.272
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	1.367.515.557.390	771.601.318.553
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	3.500.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	58.919.633.678	37.316.529.781
330	II. Nợ dài hạn		5.456.188.526	16.864.881.916
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	7.579.260.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	5.456.188.526	9.285.621.916
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.695.649.732.742	1.517.976.010.003
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.695.649.732.742	1.517.976.010.003
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		24.230.059.200	24.230.059.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		234.329.490.235	215.631.331.436
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.191.833.055	13.191.833.055
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		537.861.518.882	433.465.658.893
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		227.985.277.437	104.576.878.152
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		309.876.241.445	328.888.780.741
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		314.356.901.370	259.777.197.419
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.968.725.269.394	3.280.207.925.316

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ LIÊN



TRẦN NGỌC HÙNG




NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	10.753.230.740.199	9.489.135.612.937
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	136.774.222.596	130.891.866.060
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.616.456.517.603	9.358.243.746.877
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	9.291.161.009.218	7.963.331.870.534
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.325.295.508.385	1.394.911.876.343
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	23.574.037.802	27.889.710.370
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	72.791.072.735	88.828.496.787
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		50.349.598.472	56.775.268.908
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	565.738.360.851	589.013.782.658
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	217.455.466.505	209.911.808.767
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		492.884.646.096	535.047.498.501
31	12. Thu nhập khác	VI.8	4.085.072.545	6.661.769.048
32	13. Chi phí khác	VI.9	2.120.482.607	7.272.255.332
40	14. Lợi nhuận khác		1.964.589.938	(610.486.284)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		494.849.236.034	534.437.012.217
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	100.799.681.919	110.390.375.413
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(6.189.486.530)	(2.180.093.928)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		400.239.040.645	426.226.730.732
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		309.876.241.445	357.472.777.241
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		90.362.799.200	68.753.953.491
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	4.878	5.486
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	4.878	5.486

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.17	494.849.236.034	534.437.012.217
	2. Điều chỉnh cho các khoản		134.630.937.254	152.775.973.583
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9; V.10; V.11	91.569.649.435	92.389.735.319
03	- Các khoản dự phòng		(2.363.170.779)	9.395.417.820
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		371.022.690	-
04	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4; VI.8	(5.296.162.564)	(5.784.448.464)
05	- Chi phí lãi vay	VI.5	50.349.598.472	56.775.268.908
06	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
07	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		629.480.173.288	687.212.985.800
08	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(265.547.426.331)	79.305.985.734
09	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(816.943.741.580)	55.762.745.799
10	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(88.063.103.761)	359.222.157.635
11	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.029.995.519)	8.494.680.780
12	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		(50.816.957.476)	(61.429.175.024)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(99.860.906.136)	(88.510.372.161)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	1.259.560.130	373.000.000
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	(35.126.009.239)	(41.305.988.233)
17	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(731.648.406.624)	999.126.020.330
20	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9; V.11; V.12	(80.924.769.040)	(94.197.043.297)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		976.138.182	1.080.600.001
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(500.000.000)	9.500.000.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.4	4.633.459.617	4.703.848.463
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(69.815.171.241)	(78.912.594.833)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
34	2. Tiền thu từ đi vay	V.20	4.111.344.839.066	3.127.610.119.255
35	3. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(3.513.692.655.229)	(3.833.208.276.019)
36	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	V.20	(5.567.378.390)	(7.027.287.077)
40	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.1	(167.095.764.900)	(188.081.874.600)
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		424.989.040.547	(900.707.318.441)
60	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(376.474.537.318)	19.506.107.056
61	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	626.550.473.599	607.044.366.543
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	250.246.241.891	626.550.473.599

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty CP Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5. Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc năm Tập đoàn có 1.311 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.243 nhân viên.

7. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Tập đoàn đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi nhằm thúc đẩy quy mô doanh thu, qua đó ghi nhận doanh thu thuần của Tập đoàn tăng 13,44% so với năm trước. Tuy nhiên, giá nguyên liệu sản xuất thành phẩm năm nay tăng so với năm trước, khiến tỷ lệ lãi gộp năm nay giảm 5,01% so với năm trước. Dưới tác động của việc tăng chi phí, lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay giảm 6,32% so với năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2025 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 07 – 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền

Chi phí liên quan đến các giấy phép nhượng quyền thương hiệu. Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch sản phẩm, bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch sản phẩm, bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

26. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm nay trên Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) và số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) được trình bày lại theo số liệu trên Thông báo kết quả kiểm toán số 03/TB-KTNN ngày 05/01/2026 của Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
B. Tài sản dài hạn	200	668.424.545.526	671.312.420.649	2.887.875.123
II. Tài sản cố định	220	633.070.762.630	635.629.419.067	2.558.656.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	420.378.238.412	422.936.894.849	2.558.656.437
- Nguyên giá	222	1.276.661.250.904	1.279.353.758.911	2.692.508.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(856.283.012.492)	(856.416.864.062)	(133.851.570)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	7.684.706.260	7.792.706.260	108.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7.684.706.260	7.792.706.260	108.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	17.857.662.388	18.078.881.074	221.218.686
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.671.767.728	2.892.986.414	221.218.686
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	3.277.320.050.193	3.280.207.925.316	2.887.875.123
C. Nợ phải trả	300	1.759.956.299.456	1.762.231.915.313	2.275.615.857
I. Nợ ngắn hạn	310	1.743.091.417.540	1.745.367.033.397	2.275.615.857
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	151.533.525.841	154.809.141.698	3.275.615.857
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	147.592.037.973	146.592.037.973	(1.000.000.000)
D. Vốn chủ sở hữu	400	1.517.363.750.737	1.517.976.010.003	612.259.266
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.517.363.750.737	1.517.976.010.003	612.259.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	432.999.233.030	433.465.658.893	466.425.863
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	328.422.354.878	328.888.780.741	466.425.863
12. Lợi ích của CĐKKS	422	259.631.364.016	259.777.197.419	145.833.403
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.277.320.050.193	3.280.207.925.316	2.887.875.123

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN*Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
Giá vốn hàng bán	11	7.964.775.333.670	7.963.331.870.534	(1.443.463.136)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.393.468.413.207	1.394.911.876.343	1.443.463.136
Chi phí bán hàng	25	589.675.906.268	589.013.782.658	(662.123.610)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	211.680.608.955	209.911.808.767	(1.768.800.188)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	531.173.111.567	535.047.498.501	3.874.386.934
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	530.562.625.283	534.437.012.217	3.874.386.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	107.128.247.745	110.390.375.413	3.262.127.668
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	425.614.471.466	426.226.730.732	612.259.266
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	357.006.351.378	357.472.777.241	466.425.863
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	68.608.120.088	68.753.953.491	145.833.403
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.620	5.486	(134)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.620	5.486	(134)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	530.562.625.283	534.437.012.217	3.874.386.934
2. Điều chỉnh cho các khoản		152.642.122.013	152.775.973.583	133.851.570
Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	92.255.883.749	92.389.735.319	133.851.570
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	683.204.747.296	687.212.985.800	4.008.238.504
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	360.208.669.446	359.222.157.635	(986.511.811)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.715.899.466	8.494.680.780	(221.218.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	996.325.512.323	999.126.020.330	2.800.508.007
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(91.396.535.290)	(94.197.043.297)	(2.800.508.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(76.112.086.826)	(78.912.594.833)	(2.800.508.007)

27. Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	9.005.623.672	2.670.187.967
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	181.240.618.219	192.791.929.632
- Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	431.088.356.000
Cộng	250.246.241.891	626.550.473.599

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

Trong đó giá trị khoản tiền gửi tiết kiệm cuối năm dùng để thế chấp các khoản vay là 5.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng không là bên liên quan	674.386.056.864	499.278.076.972
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	199.529.469.350	68.168.104.620
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	12.553.355.325	29.474.356.800
- Các khách hàng khác	462.303.232.189	401.635.615.552
Cộng	674.386.056.864	499.278.076.972

Trong đó, giá trị nợ phải thu khách hàng luân chuyển cuối năm dùng để thế chấp các khoản vay là 208.039.481.044 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	1.619.305.309
- Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM	-	1.619.305.309
Trả trước cho người bán không là bên liên quan	21.287.378.480	4.813.595.795
- Công ty CP XD Tư vấn Thiết kế Quốc tế Đông Á	8.964.006.801	-
- Trả trước cho người bán khác	12.323.371.679	4.813.595.795
Cộng	21.287.378.480	6.432.901.104

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu khác không là bên liên quan	13.880.958.979	-	14.620.732.585	-
- Tạm ứng nhân viên	504.105.914	-	673.193.326	-
- Phải thu ngắn hạn khác	13.376.853.065	-	13.947.539.259	-
Cộng	13.880.958.979	-	14.620.732.585	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
Phải thu khác không là bên liên quan	848.671.000	-	815.257.435	-
- Phải thu dài hạn khác	848.671.000	-	815.257.435	-
Cộng	4.683.512.545	-	4.650.098.980	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	13.627.505.762	(13.627.505.762)	13.627.505.762	(13.627.505.762)
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	23.950.709.654	(23.950.709.654)	23.950.709.654	(23.950.709.654)
- Các đối tượng khác	19.714.520.925	(19.684.520.925)	20.214.011.254	(18.977.900.340)
Cộng	57.292.736.341	(57.262.736.341)	57.792.226.670	(56.556.115.756)

Tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(56.556.115.756)	(45.738.580.239)
Dự phòng tăng trong năm	(930.462.684)	(14.666.071.924)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	223.842.099	3.848.536.407
Số cuối năm	(57.262.736.341)	(56.556.115.756)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	1.621.138.128.118	(585.261.867)	837.464.676.207	(585.261.867)
- Công cụ, dụng cụ	10.664.729.792	-	13.371.770.436	-
- Chi phí SXKD dở dang	33.874.339.110	-	98.969.133.605	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	580.265.363.435	-	464.898.486.791	-
- Hàng hóa	12.421.812.964	-	7.921.825.300	-
- Hàng gửi đi bán	25.261.504.595	-	44.056.244.095	-
Cộng	2.283.625.878.014	(585.261.867)	1.466.682.136.434	(585.261.867)

Trong đó giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm dùng để thế chấp các khoản vay là 1.170.900.682.060 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.**8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	4.046.035.905	2.470.367.196
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.493.828.047	3.506.941.132
Cộng	11.539.863.952	5.977.308.328

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.977.308.328	6.033.124.569
Tăng trong năm	23.016.367.317	17.201.688.591
Phân bổ trong năm	(17.453.811.693)	(17.257.504.832)
Số cuối năm	11.539.863.952	5.977.308.328

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	3.164.574.118	1.661.327.260
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.046.735.798	1.231.662.154
Cộng	6.211.309.916	2.892.989.414

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.892.986.414	2.904.397.518
Tăng trong năm	9.342.373.105	2.772.428.682
Phân bổ trong năm	(6.024.049.603)	(2.783.839.786)
Số cuối năm	6.211.309.916	2.892.986.414

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	7.199.285.000	4.620.321.100	11.819.606.100
2. Tăng trong năm	-	3.464.100.000	3.464.100.000
- Mua mới trong năm	-	934.200.000	934.200.000
- Phân loại lại	-	2.529.900.000	2.529.900.000
3. Giảm trong năm	2.874.695.000	2.430.405.000	5.305.100.000
- Giảm do chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	2.430.405.000	2.430.405.000
- Hoàn trả TSCĐ thuê tài chính	344.795.000	-	344.795.000
- Phân loại lại	2.529.900.000	-	2.529.900.000
4. Số cuối năm	4.324.590.000	5.654.016.100	9.978.606.100
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	1.117.072.521	1.599.490.250	2.716.562.771
2. Khấu hao tăng trong năm	735.131.469	1.504.226.749	2.239.358.218
- Khấu hao trong năm	735.131.469	966.039.274	1.701.170.743
- Phân loại lại	-	538.187.475	538.187.475
3. Giảm trong năm	720.162.597	1.390.375.037	2.110.537.634
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	1.390.375.037	1.390.375.037
- Hoàn trả TSCĐ thuê tài chính	181.975.123	-	181.975.123
- Phân loại lại	538.187.475	-	538.187.475
Số cuối năm	1.132.041.393	1.713.341.962	2.845.383.355
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.082.212.479	3.020.830.850	9.103.043.329
Số cuối năm	3.192.548.607	3.940.674.138	7.133.222.745

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn ^(*)	Quyền sử dụng đất có thời hạn ^(*)	Giấy phép nhượng quyền	Chương trình phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá					
Số đầu năm	114.687.620.655	124.498.292.402	324.400.000	5.558.105.800	245.068.418.857
Mua trong năm	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	108.175.000	108.175.000
Số cuối năm	114.687.620.655	124.498.292.402	324.400.000	5.749.930.800	245.260.243.857
II. Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	38.407.704.161	324.400.000	2.746.833.807	41.478.937.968
Khấu hao trong năm	-	2.778.858.912	-	764.710.678	3.543.569.590
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	108.175.000	108.175.000
Số cuối năm	-	41.186.563.073	324.400.000	3.403.369.485	44.914.332.558
III. Giá trị còn lại					
Số đầu năm	114.687.620.655	86.090.588.241	-	2.811.271.993	203.589.480.889
Số cuối năm	114.687.620.655	83.311.729.329	-	2.346.561.315	200.345.911.299

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.349.439.056 đồng.
- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 98.627.218.840 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

^(*) Quyền sử dụng đất cuối năm của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSĐĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn sử dụng đến ngày 08/09/2054.
- Quyền sử dụng 30.317,9 m² đất thuê (thửa số 856; tờ bản đồ số 26) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Quyền sử dụng 87.400 m² đất thuê (thuộc TK 278B (thửa số 2); tờ bản đồ số 100002) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CO5560264, CO5560265 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 31/07/2014. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2016 với tổng diện tích 10.202,50 m² thuộc lô đất số A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, ấp An Hội, xã An Hóa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Thời hạn sử dụng 42 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và BM189702 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2015 với tổng diện tích 15.233,20 m² thuộc lô đất số A10, đường C4, KCN Bourbon An Hòa, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là lô A10.1 đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Thời hạn sử dụng 45 năm. Quyền sử dụng đất này được Công ty thế chấp tại cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn (Xem thuyết minh V.20)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa tại nhà máy của công ty mẹ	4.927.245.300	4.771.245.300
- Chi phí sửa chữa tại nhà máy của các công ty con	568.422.222	3.021.460.960
Cộng	5.495.667.522	7.792.706.260

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽²⁾	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)
Cộng	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)

⁽¹⁾ Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2025 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường, Tập đoàn xác định giá trị hợp lý bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

14. Lợi thế thương mại

Các khoản lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua các công ty con đã được phân bổ hết do đã phân bổ hết thời gian phân bổ tối đa 10 năm.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên liên quan	419.149.122	11.422.782.000
- Công ty CP DAP Vinachem	-	11.422.782.000
- Công ty Cổ phần SX TM DV Mai Xá	167.399.122	
- Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	251.750.000	
Phải trả người bán không là bên liên quan	355.689.864.419	456.585.948.488
- Công ty TNHH TM Thủy Ngân	92.310.670.400	17.974.695.000
- Công ty TNHH Nguyễn Phan	47.420.856.000	-
- Các nhà cung cấp khác	215.958.338.019	438.611.253.488
Cộng	356.109.013.541	468.008.730.488

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước không là bên liên quan	30.844.628.103	21.599.877.173
- Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	5.793.488.400	328.699.880
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	25.051.139.703	21.271.177.293
Cộng	30.844.628.103	21.599.877.173

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	598.556.451	25.445.607	1.769.859.750	(1.796.835.192)	571.581.009	25.445.607
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.362.315.508	(1.362.315.508)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	5.851.286.761	(5.851.286.761)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	34.619.011.839	-	101.924.619.848	(99.860.906.136)	36.724.080.163	41.354.612
- Thuế thu nhập cá nhân	4.901.713.347	258.561.503	16.825.703.376	(17.662.484.118)	3.816.250.309	9.879.207
- Thuế nhà đất, thuê đất	-	-	4.717.477.334	(6.155.938.585)	-	1.438.461.251
- Thuế môn bài	-	4.000.000	22.000.000	(18.000.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
- Các khoản khác	2.239.406	-	311.084.560	(621.514.055)	272.605.781	230.626.084
Cộng	154.809.141.698	288.007.110	132.784.347.137	(133.329.280.355)	156.072.137.917	1.745.766.761

(*) Trong đó, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 100.799.681.919 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh theo văn bản đối chiếu với thuế Tp. Hồ Chí Minh là 1.124.937.929 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	494.849.236.034	534.437.012.217
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	122.252.945.631	94.284.917.014
+ Chi phí không hợp lý	13.393.616.613	28.634.475.560
+ Chênh lệch tạm thời tính thuế	106.876.905.946	74.079.473.300
+ Lỗ thu nhập chịu thuế trong năm của các công ty trong Tập đoàn	1.982.423.072	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(108.295.623.387)	(65.548.164.500)
+ Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ kỳ trước	(77.386.473.300)	(65.548.164.500)
+ Điều chỉnh giảm khác	(30.909.150.087)	
Thu nhập chịu thuế	508.806.558.278	571.602.796.577
Kết chuyển lỗ tính thuế các kỳ trước chuyển sang	-	(26.296.241.382)
Thu nhập tính thuế	508.806.558.278	545.306.555.195
Thuế TNDN phải nộp theo Thu nhập tính thuế trong kỳ (với thuế suất 20%)	101.761.311.656	109.061.311.039
Xác định lại thuế TNDN các năm trước	(961.629.737)	1.329.064.374
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	100.799.681.919	110.390.375.413

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	142.597.890.384	141.462.543.471
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	249.537.570	5.129.494.502
Cộng	142.847.427.954	146.592.037.973

19. Phải trả ngắn hạn khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	11.533.680.511	15.255.393.272
- Kinh phí công đoàn	3.065.326.724	2.944.389.936
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.468.353.787	12.311.003.336
Cộng	11.533.680.511	15.255.393.272

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	1.366.892.187.390	1.366.892.187.390	770.797.573.553	770.797.573.553
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽¹⁾	181.133.784.053	181.133.784.053	49.705.651.500	49.705.651.500
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. HCM ⁽²⁾	166.562.721.709	166.562.721.709	113.789.858.798	113.789.858.798
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽³⁾	79.537.560.903	79.537.560.903	31.483.351.500	31.483.351.500
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN 3 ⁽⁴⁾	128.095.819.600	128.095.819.600	89.808.581.900	89.808.581.900
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽⁵⁾	50.149.171.570	50.149.171.570	39.110.891.809	39.110.891.809
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽⁶⁾	34.923.109.137	34.923.109.137	24.972.607.161	24.972.607.161
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽⁷⁾	40.000.000.000	40.000.000.000	6.079.375.000	6.079.375.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽⁸⁾	117.205.410.454	117.205.410.454	54.619.216.300	54.619.216.300
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽⁹⁾	48.483.708.000	48.483.708.000	34.864.186.137	34.864.186.137
- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Trị ⁽¹⁰⁾	5.795.000.000	5.795.000.000	-	-
- Câu lạc bộ Nghĩa tình Quảng Trị ⁽¹¹⁾	3.424.000.000	3.424.000.000	3.424.000.000	3.424.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng ⁽¹²⁾	46.399.781.850	46.399.781.850	59.424.507.500	59.424.507.500
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng ⁽¹³⁾	28.400.972.299	28.400.972.299	21.663.848.500	21.663.848.500
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN huyện Đức Trọng Lâm Đồng ⁽¹⁴⁾	25.422.700.368	25.422.700.368	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁵⁾	280.706.349.686	280.706.349.686	162.034.303.487	162.034.303.487
- Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ninh Bình ⁽¹⁶⁾	85.059.145.460	85.059.145.460	55.334.011.211	55.334.011.211
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây	-	-	24.483.182.750	24.483.182.750
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Ninh Bình ⁽¹⁷⁾	45.592.952.301	45.592.952.301	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽¹⁸⁾	623.370.000	623.370.000	803.745.000	803.745.000
Cộng	1.367.515.557.390	1.367.515.557.390	771.601.318.553	771.601.318.553

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé:
- Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.
- Hiệu lực: đến ngày 23/09/2026
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (2) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. HCM như sau:
- a. Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- b. Vay ngắn hạn NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0083/2338/N-CTD ngày 30/08/2023.
- Hạn mức vay : 20.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay : theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.
- Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản đảm bảo:
- + Toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Điền - Mekong và được để tại kho hàng tại địa chỉ Lô A10.1 đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giá trị tài sản đảm bảo là hàng hóa được thế chấp vào ngày ký hợp đồng là 40 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0093/2138/TCDN2 ngày 01/07/2021 (xem tại Thuyết minh V.9);
- + Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty CP Bình Điền – Mekong mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 0092/2238/CCDN2 ký ngày 14/04/2022 là 2.000.000.000 đồng giữa ngân hàng và Công ty cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có) (xem tại Thuyết minh V.2).
- (3) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM như sau:
- Hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (4) Thông tin khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN3 như sau:
- Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- (5) Vay ngắn hạn NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn theo hợp đồng cho vay hạn mức 2345641045/2023-HĐCVHM/NHCT923- BÌNH DIEN MEKONG ngày 03/07/2023.

Hạn mức vay : 80.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay : theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo:

+ Toàn bộ hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm với giá trị không thấp hơn 70 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 150270079/HĐTC/SDBS-04 ngày 05/02/2020. Chi tiết xem tại mục V.7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính;

+ Nhà cửa, kiến trúc và máy móc thiết bị tại nhà máy phân bón Bình Điền - Mekong tại KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, của Công ty Cổ phần Bình Điền - MeKong theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 150270116/HĐTC ngày 08/06/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 189220173/2018/HĐBD/NHCT923 ngày 02/07/2018. Chi tiết xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính

- (6) Thông tin khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN Bắc Sài Gòn như sau:

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số SHB/BSG/BDMK/HDTD/2024-01 ký ngày 27/05/2024 là 2.500.000.000 đồng giữa ngân hàng và Công ty cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có) (xem tại Thuyết minh V.2).

- (7) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-202500707 ngày 21/05/2025.

Hạn mức: 40.000.000.0000 đồng;

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên, nhiên vật liệu và bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn vay: dưới 12 tháng;

Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/TSHTTLT ngày 11/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9.

- (8) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1606/2025-HĐCVHM/NHCT450-BÌNH DIEN ngày 16/06/2025.

Hạn mức: 150.000.000.0000 đồng

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 16/06/2025 đến ngày 15/06/2026;

Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo:

- + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 2404/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 03/05/2018. Xem tại thuyết minh V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 13/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19/11/2018. Xem tại thuyết minh V.3 và V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 2-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 19/11/2018. Xem tại thuyết minh V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-2/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 13/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-1/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BÌNH DIEN ngày 13/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19/11/2018. Xem tại thuyết minh V.9;
 - + Hợp đồng thế chấp Hàng hoá số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014. Xem tại thuyết minh V.7;
 - + Hợp đồng thế chấp Quyền Tài sản số 1403/2014/TCQTS ngày 14/03/2014. Xem tại thuyết minh V.7.
- ⁽⁹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30BB/HĐHM/2024 ngày 10/05/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01.SDBS ký ngày 09/05/2025.
- Hạn mức: 90.000.000.0000 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 29BB.HĐTC/2019 ngày 17/07/2019. Xem thuyết minh V.7
- ⁽¹⁰⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cấp tín dụng số 358084.25.504.413336.TD ngày 10/12/2025.
- Hạn mức: 40.000.000.0000 đồng
 - Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón;
 - Thời hạn vay: 06 tháng;
 - Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 358089.25.504.413336.BD ngày 10/12/2025. Xem thuyết minh V.7;
- ⁽¹¹⁾ Là khoản vay của CLB Nghĩa Tình Quảng Trị theo Hợp đồng vay vốn số 252/HĐVV-BĐQT ngày 09/11/2022 và Hợp đồng vay vốn số 397/HĐVV-BĐQT ngày 31/10/2025.
- Số tiền vay: 3.424.000.000 đồng
 - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên, nhiên vật liệu;
 - Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
 - Lãi suất vay: theo lãi suất của ngân hàng mà Công ty đang vay vốn ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- Tài sản đảm bảo: tín chấp.

- (12) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lâm Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 31/2025/HĐCVHM/NHCT620/KHDN ngày 09 tháng 06 năm 2025:

Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;

Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 09/06/2025 đến hết ngày 31/05/2026;

Lãi suất: từng lần theo giấy nhận nợ;

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón;

Tài sản thế chấp:

+ Quyền sở hữu Công trình xây dựng và quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065 theo Văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản số 41DN-TC/2020/HĐBĐ/NHCT620/VBSĐ02 ngày 08/07/2020 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 27/2025/HĐBĐ/NHCT620/KHDN ngày 20/06/2025. Giá trị của tài sản thế chấp là 150.457.000.000 đồng (Xem tại thuyết minh V.9 và V.11)

+ Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 57DN-TC/2019/HĐBĐ/NHCT620 ngày 23/08/2019 và Văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 57DN-TC/2019/HĐBĐ/NHCT620/VBSĐ02 ngày 09/06/2025. Giá trị tài sản thế chấp là 31.000.000.000 đồng. (Xem tại thuyết minh V.7)

- (13) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Lâm Đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0028/TDN/24LD ngày 30 tháng 12 năm 2024:

Hạn mức cho vay: 150.000.000.000 đồng;

Lãi suất: từng lần theo giấy nhận nợ;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;

Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài sản thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất tại Tiểu khu 278B, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Tiểu khu 278B, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0033/TDN/20TC ngày 24/02/2021. (Xem tại thuyết minh V.11).

+ Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 0029/TDN/23TC ngày 2023. Giá trị tài sản thế chấp 120.163.000.000 đồng. (Xem tại thuyết minh V.7)

- (14) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN huyện Đức Trọng Lâm Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 5412-LAV-202501408 ngày 13 tháng 06 năm 2025:

Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;

Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Tài sản thế chấp: vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

(15) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ninh Bình như sau:

a. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT400-BĐ ngày 10/10/2025 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức vay : 250.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay : từ ngày 10/10/2025 đến 09/10/2026.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

b. Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2025-HĐCVHM/NHCT400-BĐ ngày 10/10/2025 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức vay : 150.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay : từ ngày 10/10/2025 đến 09/10/2026.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: + Toàn bộ hạn mức công trình gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn,... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình được tại khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Hàng hoá tồn kho luân chuyển và quyền phải thu luân chuyển của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình. Xem tại mục V.3, V.7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(16) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Ninh Bình theo Hợp đồng cấp tín dụng số 318700.25.230.9988707.TD ngày 30/07/2025 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 27/06/2026.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón.

Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(17) Thông tin vay ngân hàng TMCP Hàng Hải VN- Chi nhánh Ninh Bình như sau:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng

Lãi suất: theo từng lần trên giấy nhận nợ

Thời hạn vay: đến hết ngày 06/11/2025.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động

Tài sản đảm bảo: vay tín chấp

(18) Thông tin nợ vay tài chính dài hạn đến hạn trả như sau sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê đến hạn còn phải trả tại ngày 30/06/2025 lần lượt là 147.555.000 đồng và 164.130.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

Tình hình tăng, giảm các khoản vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	770.797.573.553	4.109.787.269.066	(3.513.692.655.229)	1.366.892.187.390
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	803.745.000	623.370.000	(803.745.000)	623.370.000
Cộng	771.601.318.553	4.109.787.269.066	(3.514.496.400.229)	1.367.515.557.390

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	1.920.000.000	1.920.000.000	4.480.000.000	4.480.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	1.920.000.000	1.920.000.000	4.480.000.000	4.480.000.000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	3.536.188.526	3.536.188.526	4.805.621.916	4.805.621.916
- Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease ⁽²⁾	272.387.643	486.443.562	726.120.421	726.120.421
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Tp. HCM ⁽³⁾	3.263.800.883	3.263.800.883	3.456.131.495	3.456.131.495
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	-	-	623.370.000	623.370.000
Cộng	5.456.188.526	5.456.188.526	9.285.621.916	9.285.621.916

⁽¹⁾ Thông tin khoản vay NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn như sau:

Hạn mức tín dụng: 24.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền - Mekong.

Tài sản đảm bảo:

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Lô A10.1 Đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp theo HĐ thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐBD/NHCT923 ngày 12/07/2018 (xem tại Thuyết minh V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- (2) Thông tin khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease như sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306003 ngày 07/03/2022, có tổng giá trị thuê là 840.000.000 đồng. Thời hạn: 48 tháng, lãi suất: 8,62%/năm.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B240123403 ngày 18/01/2024, có tổng giá trị thuê là 430.000.000 đồng. Thời hạn :36 tháng, lãi suất: 10,14%/năm.

- (3) Thông tin khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Tp. HCM như sau:

Giá trị thuê: 3.507.570.000 đồng.

Thời hạn thuê: 60 tháng.

Lãi suất: 4,7%/năm.

- (4) Thông tin khoản nợ thuê tài chính dài hạn theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê còn phải trả tại ngày 31/12/2025 lần lượt là 271.710.000 đồng và 351.660.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn và nợ thuê tài chính	9.285.621.916	934.200.000	(4.763.633.390)	5.456.188.526
Cộng	9.285.621.916	934.200.000	(4.763.633.390)	5.456.188.526

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	37.316.529.781	55.469.553.006	1.259.560.130	(35.126.009.239)	58.919.633.678
Cộng	37.316.529.781	55.469.553.006	1.259.560.130	(35.126.009.239)	58.919.633.678

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000	-

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	142.919.982.500	142.919.982.500

22d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

22e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

23. Các mục ngoài Bảng cân đối kế toán (hợp nhất)**Ngoại tệ các loại**

Chi tiết gồm:

Dollar Mỹ (USD)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	119,968.17	1,282,425.58

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Nợ khó đòi đã xử lý

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoa Tường	3.364.075.368	3.364.075.368
Lê Văn Xuân Tường	827.267.218	827.267.218
Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải Anh Kiệt S.G	692.787.624	692.787.624
Công ty TNHH MTV TM DV Hoàng Trang	538.038.555	538.038.555
DNTN Nguyễn Hương	507.374.220	507.374.220
DNTN Tiến Nam	195.615.850	195.615.850
Cộng	6.125.158.835	6.125.158.835

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	10.651.766.275.272	9.234.212.255.870
- Doanh thu bán nguyên liệu, hàng hóa	63.794.608.461	239.543.567.867
- Doanh thu hoạt động dịch vụ, khác	37.669.856.466	15.379.789.200
Cộng	10.753.230.740.199	9.489.135.612.937

Doanh thu với các bên liên quan

Không phát sinh.

2. Các khoản giảm trừ

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	136.536.297.096	130.881.866.060
- Hàng bán bị trả lại	237.925.500	10.000.000
Cộng	136.774.222.596	130.891.866.060

3. Giá vốn hàng bán

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm	9.218.921.979.298	7.731.286.200.835
- Giá vốn của nguyên liệu, hàng hóa đã bán	47.689.846.680	225.277.366.798
- Giá vốn hoạt động dịch vụ, khác	24.549.183.240	6.768.302.901
Cộng	9.291.161.009.218	7.963.331.870.534

4. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	4.633.459.617	4.703.848.463
- Lãi chênh lệch tỷ giá	18.934.878.165	22.806.776.420
- Doanh thu tài chính khác	5.700.020	379.085.487
Cộng	23.574.037.802	27.889.710.370

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	50.349.598.472	56.775.268.908
- Chiết khấu thanh toán	20.050.152.669	23.725.410.447
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.943.642.959	7.807.805.970
- Chi phí tài chính khác	447.678.635	520.011.462
Cộng	72.791.072.735	88.828.496.787

6. Chi phí bán hàng

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	52.171.785.028	48.946.578.410
- Chi phí quảng bá, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	315.405.785.583	347.798.925.258
- Chi phí khấu hao TSCĐ	486.218.832	153.540.065
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.514.453.700	103.894.283.252
- Chi phí bằng tiền khác	85.160.117.708	88.220.455.673
Cộng	565.738.360.851	589.013.782.658

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	98.905.805.772	93.982.598.506
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.006.765.456	6.900.649.016
- Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	706.620.585	11.523.349.517
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.301.965.235	75.788.539.346
- Chi phí bằng tiền khác	35.534.309.457	21.716.672.382
Cộng	217.455.466.505	209.911.808.767

8. Thu nhập khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	976.138.182	1.080.600.001
- Thu nhập khác	3.108.934.363	5.581.169.047
Cộng	4.085.072.545	6.661.769.048

9. Chi phí khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	2.120.482.607	7.272.255.332
Cộng	2.120.482.607	7.272.255.332

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	309.876.241.445	357.472.777.241
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(30.987.624.145)	(43.862.240.157)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(30.987.624.145)	(43.862.240.157)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	278.888.617.300	313.610.537.084
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	4.878	5.486

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong năm nay.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	309.876.241.445	357.472.777.241
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(30.987.624.145)	(43.862.240.157)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(30.987.624.145)	(43.862.240.157)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	278.888.617.300	313.610.537.084
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	4.878	5.486

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong năm nay.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.905.497.722.916	7.470.810.637.419
- Chi phí nhân công	443.857.623.811	404.112.999.293
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.569.649.435	92.389.735.319
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.335.396.945	356.817.286.175
- Các chi phí khác	436.962.632.671	503.425.824.709
Cộng	10.259.250.627.025	8.827.556.482.915

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VND)**1. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ**

Mã số 36. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ	142.919.982.500	171.503.979.000
- Các công ty con đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	24.175.782.400	16.577.895.600
Cộng	167.095.764.900	188.081.874.600

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Văn Thiệu - CT.HĐQT	119.500.000	119.500.000
Ngô Văn Đông - TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	896.642.000	904.774.000
Lê Quốc Phong - TV.HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	53.555.000	95.555.000
Đỗ Quang Huy - TV.HĐQT	96.500.000	95.000.000
Phan Văn Tâm - TV. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	747.231.000	708.982.833
Nguyễn Bảo Vệ - TV.HĐQT	97.055.000	95.555.000
Cộng	2.010.483.000	2.019.366.833

Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Võ Văn Phú - Phó Tổng Giám đốc	726.731.000	758.363.000
Trần Ngọc Hùng - Kế toán trưởng	725.731.000	794.363.000
Cộng	1.452.462.000	1.552.726.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Ban kiểm soát	Năm nay	Năm trước
Trương Minh Phú - Trưởng BKS (miễn nhiệm 29/04/2025)	379.400.000	935.581.592
Nguyễn Huy Hiếu - Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	86.000.000	80.000.000
Quản Đình Gang - TV. BKS	79.055.000	80.555.000
Bùi Nguyễn Phương Anh – TV.BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	306.175.265	-
Cộng	850.630.265	1.096.136.592
Cổ tức trả cho người nội bộ	73.685.000	580.642.000

4b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Mekong	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)
Công ty CP DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP Xà Phòng Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP SX TM DV Mai Xá	Có cùng nhân sự chủ chốt
Công ty CP Chế biến gỗ Đức Thành	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Trần Ngọc Hùng là Thành viên Ban kiểm soát)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Văn Thiệu là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP SX và KD Phân bón Bình Điền II	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Lê Quốc Phong là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Lê Quốc Phong là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Huy Hiếu là Thành viên HĐQT)

• Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
- Chia trả cổ tức	92.898.000.000	111.477.600.000
Công ty CP DAP – VINACHEM		
- Mua hàng	61.191.200.000	167.935.956.200
Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM		
- Mua hàng	18.645.864.000	13.336.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Công ty CP SX TM DV Mai Xá

- Mua hàng 50.251.987.590 99.163.218.180

Công ty CP Xà Phòng Hà Nội

- Mua hàng 251.750.000 308.700.000

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.12, V.13, V.15.

4. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón các loại.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.578.496.618.973	2.037.959.898.630	10.616.456.517.603
Giá vốn hàng bán	7.390.100.410.808	1.901.060.598.410	9.291.161.009.218
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.188.396.208.165	136.899.300.220	1.325.295.508.385

Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.912.465.870.177	1.445.777.876.700	9.358.243.746.877
Giá vốn hàng bán	6.641.620.485.271	1.321.711.385.263	7.963.331.870.534
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.270.845.384.906	124.066.491.437	1.394.911.876.343

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp khoản tiền gửi tiết kiệm, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình với tổng giá trị ghi sổ là 1.745.844.528.414 đồng (xem tại các Thuyết minh số V.2, V.3, V.7, V.9, V.11, V.20).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC HÙNG

Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ HỮU HÌNH						
1. Số dư đầu năm	656.992.582.271	537.239.599.314	55.963.581.310	12.010.488.744	17.147.507.272	1.279.353.758.911
2. Tăng trong năm	19.695.100.433	37.605.806.739	11.889.673.276	1.076.917.700	-	70.267.498.148
- Tăng do mua mới	310.025.632	37.261.011.739	9.459.268.276	1.076.917.700	-	48.107.223.347
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	19.385.074.801	-	-	-	-	19.385.074.801
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	344.795.000	2.430.405.000	-	-	2.775.200.000
3. Giảm trong năm	705.835.500	4.639.710.530	2.566.596.962	-	-	7.912.142.992
- Thanh lý, nhượng bán	705.835.500	4.639.710.530	2.566.596.962	-	-	7.912.142.992
4. Số dư cuối năm	675.981.847.204	570.205.695.523	65.286.657.624	13.087.406.444	17.147.507.272	1.341.709.114.067
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1 Số dư đầu năm	421.722.549.912	367.050.271.927	43.101.272.000	8.826.951.399	15.715.818.824	856.416.864.062
2. Tăng trong năm	38.994.866.625	41.488.682.776	5.771.298.917	1.311.227.289	526.905.420	88.092.981.027
- Khấu hao trong năm	38.994.866.625	41.110.985.888	4.380.923.880	1.311.227.289	526.905.420	86.324.909.102
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	181.975.122	1.390.375.037	-	-	1.572.350.159
- Phân loại lại	-	195.721.766	-	-	-	195.721.766
3. Giảm trong năm	636.544.257	4.483.113.304	2.566.596.962	-	-	7.686.254.523
- Thanh lý, nhượng bán	636.544.257	4.483.113.304	2.566.596.962	-	-	7.686.254.523
4. Số dư cuối năm	460.080.872.280	404.055.841.399	46.305.973.955	10.138.178.688	16.242.724.244	936.823.590.566
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm	235.270.032.359	170.189.327.387	12.862.309.310	3.183.537.345	1.431.688.448	422.936.894.849
2. Tại ngày cuối năm	215.900.974.924	166.149.854.124	18.980.683.669	2.949.227.756	904.783.028	404.885.523.501

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

480.329.095.758

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay:

263.277.146.470

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám Đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Tại ngày 01/01/2024	571.679.930.000	24.230.059.200	206.035.133.011	13.191.833.055	257.722.029.290	212.898.838.320	1.285.757.822.876
Tăng trong năm	-	-	9.596.198.425	-	357.472.777.241	68.753.953.491	435.822.929.157
- Lãi trong năm	-	-	-	-	357.472.777.241	68.753.953.491	426.226.730.732
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	9.596.198.425	-	-	-	9.596.198.425
Giảm trong năm	-	-	-	-	(181.729.147.638)	(21.875.594.392)	(203.604.742.030)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(9.596.198.425)	-	(9.596.198.425)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(29.212.966.713)	(5.297.700.142)	(34.510.666.855)
- Chia cổ tức của năm 2023	-	-	-	-	(114.335.986.000)	(16.577.894.250)	(130.913.880.250)
- Tạm chia cổ tức của năm 2024	-	-	-	-	(28.583.996.500)	-	(28.583.996.500)
Tại ngày 31/12/2024	571.679.930.000	24.230.059.200	215.631.331.436	13.191.833.055	433.465.658.893	259.777.197.419	1.517.976.010.003
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Tại ngày 01/01/2025	571.679.930.000	24.230.059.200	215.631.331.436	13.191.833.055	433.465.658.893	259.777.197.419	1.517.976.010.003
Tăng trong năm	-	-	18.698.158.799	-	309.876.241.445	90.362.799.200	418.937.199.444
- Lãi trong năm	-	-	-	-	309.876.241.445	90.362.799.200	400.239.040.645
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	18.698.158.799	-	-	-	18.698.158.799
Giảm trong năm	-	-	-	-	(205.480.381.456)	(35.783.095.249)	(241.263.476.705)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(18.698.158.799)	-	(18.698.158.799)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(43.862.240.157)	(11.607.312.849)	(55.469.553.006)
- Chia cổ tức của năm 2024	-	-	-	-	(142.919.982.500)	(24.175.782.400)	(167.095.764.900)
Tại ngày 31/12/2025	571.679.930.000	24.230.059.200	234.329.490.235	13.191.833.055	537.861.518.882	314.356.901.370	1.695.649.732.742

(*) Chi tiết tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tại ngày 01/01/2025	Lãi/(Lỗ) trong kỳ	Phân phối lợi nhuận	Tại ngày 31/12/2025
Công ty CP Bình Điền Mê Kông	29.478.958.945	8.849.731.572	(4.368.346.887)	33.960.343.630
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	57.973.515.388	11.826.585.365	(7.932.630.930)	61.867.469.823
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	90.449.558.872	27.815.333.469	(18.678.995.987)	99.585.896.354
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	81.875.164.213	41.871.148.795	(4.803.121.445)	118.943.191.563
Cộng	259.777.197.418	90.362.799.201	(35.783.095.249)	314.356.901.370

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám Đốc



NGO VĂN ĐÔNG